

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SSG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SSG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SSG TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SSG TECH CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109870121

3. Ngày thành lập: 24/12/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 95 ngõ 42 Thịnh Liệt, Tổ 14, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913315501

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
6.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
7.	Bán buôn thực phẩm	4632
8.	Bán buôn đồ uống	4633
9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.	4649

10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659
11.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
12.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng)	4662
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663

14.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn đá quý; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh bao gồm thu mua, sắp xếp, phân loại, làm sạch những hàng hóa đã qua sử dụng để lấy ra những phụ tùng có thể sử dụng lại (ví dụ: tháo dỡ ô tô, máy tính, ti vi cũ...), đóng gói và phân phối nhưng không thực hiện hoạt động nào làm biến đổi hàng hóa. Những hàng hóa được mua bán là những loại còn có giá trị.	4669
15.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
16.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
17.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
18.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
19.	Khai thác gỗ (Trừ loại Nhà nước cấm)	0220
20.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
21.	Khai thác thủy sản biển	0311
22.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
23.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ tổ chức hợp báo)	8230
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
25.	Giáo dục nhà trẻ	8511
26.	Giáo dục mẫu giáo	8512
27.	Đào tạo sơ cấp	8531
28.	Đào tạo trung cấp	8532
29.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
30.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552

31.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
32.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: + Tư vấn giáo dục, + Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, + Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, + Dịch vụ kiểm tra giáo dục,	8560
33.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ mua bán nợ; - Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý)	6619
34.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
35.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ môi giới bất động sản;	6820

36.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn đầu thầu; - Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng; Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. - Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước công trình; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng; Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình nhà công nghiệp; Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình giao thông (đường bộ, cầu); Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn; Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (Cấp nước, thoát nước); - Giám sát thi công công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Giám sát thi công công tác xây dựng công trình giao thông (cầu – đường bộ); Giám sát thi công công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông; Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn - Tư vấn thiết kế, Tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật phòng cháy và chữa cháy - Thiết kế kiến trúc.	7110
37.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
38.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
39.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
40.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
41.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214

42.	Quảng cáo (trừ quảng cáo trên không, quảng cáo thuốc lá)	7310
43.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không bao gồm dịch vụ điều tra thông tin Nhà nước cấm)	7320
44.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ chuyên giao công nghệ	7490(Chính)
45.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
46.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
47.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
48.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
49.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
50.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
51.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
52.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
53.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
54.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
55.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
56.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
57.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
58.	In ấn (trừ loại Nhà nước cấm)	1811
59.	Dịch vụ liên quan đến in (trừ loại Nhà nước cấm)	1812
60.	Sản xuất hoá chất cơ bản (trừ loại Nhà nước cấm)	2011
61.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
62.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
63.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
64.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
65.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
66.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
67.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu Chi tiết: Sản xuất kim loại màu (Trừ vàng)	2420
68.	Đúc sắt, thép	2431
69.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
70.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
71.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591

72.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
73.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
74.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô;	4932
75.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
76.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
77.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
78.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
79.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
80.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa phân vào đâu được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh.	7730
81.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
82.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
83.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
84.	Thu gom rác thải độc hại	3812
85.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
86.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
87.	Tái chế phế liệu	3830
88.	Xây dựng nhà để ở	4101
89.	Xây dựng nhà không để ở	4102

90.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
91.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
92.	Xây dựng công trình điện	4221
93.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
94.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
95.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
96.	Xây dựng công trình thủy	4291
97.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
98.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
99.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
100.	Phá dỡ (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4311
101.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
102.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
103.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
104.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

6. Vốn điều lệ: 198.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 19/07/1965

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027065000007

Ngày cấp: 25/04/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 95 ngõ 42 Thịnh Liệt, Tổ 14, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 95 ngõ 42 Thịnh Liệt, Tổ 14, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội